

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VÂN HỒ
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2022/HS-ST.

Ngày: 14- 7-2022.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VÂN HỒ - TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Xuân Hiếu.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trịnh Thị Kim Oanh

Ông Mùi Văn Huân

Thư ký phiên tòa: Bà Hà Phương Giang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Sơn La.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vân Hồ - tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn Điệp - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 61/2022/TLST- ST ngày 24 tháng 5 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2022/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 07 năm 2022, đối với các bị cáo.

1. Sòng A D, tên gọi khác, không, sinh năm 1980, sinh tại huyện V, tỉnh Sơn La. Nơi cư trú: Bản C, xã L, huyện V, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hoá: Không biết chữ; dân tộc: Mông; giới tính: Nam, tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Sòng A H, sinh năm 1957 và bà Tráng Thị H, sinh năm 1958, bị cáo có vợ là Tráng Thị X, sinh năm 1981 và 03 con, con lớn 23 tuổi, con nhỏ 18 tuổi; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam kể từ ngày 30 tháng 9 năm 2021 tại Nhà tạm giữ Công an huyện V cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Bùi Thị C, tên gọi khác, không, sinh năm 1982, sinh tại huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Trú tại: Xóm H, xã Y, huyện L, tỉnh Hòa Bình; chỗ ở hiện nay: Xóm Tr, xã Y, huyện L, tỉnh Hòa Bình; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Mường; trình độ văn hoá: 12/12; nghề nghiệp: Trồng trọt; con ông Bùi Văn Ch, sinh năm 1959 và bà Bùi Thị D, sinh năm 1958; bị cáo có chồng là Bùi Quang H, sinh năm 1972 và 02 con, con lớn 18 tuổi, con nhỏ 09 tuổi; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam kể từ ngày 30 tháng 9 năm 2021 tại Nhà tạm giữ Công an huyện V cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Sông A H, sinh năm 1957; Trú tại: Bản C, xã L, huyện V, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sông A D, sinh năm: 1980, trú tại: Bản C, xã L, huyện V, tỉnh Sơn La và Bùi Thị C, sinh năm: 1982, trú tại: Xóm H, xã Y, huyện L, tỉnh Hòa Bình đều là đối tượng nghiện chất ma túy và có quen biết nhau từ trước. Khoảng 08 giờ ngày 30/9/2021 trên đường dân sinh Bản C, xã L, Sông A D đã gặp một người đàn ông dân tộc Mông khoảng 50 tuổi không quen biết và hỏi mua được của người đó 01 gói nilon màu đỏ bên trong có Heroine và hồng phiến với giá 1.500.000đ (*một triệu năm trăm nghìn đồng*), D mang số ma túy về nhà lấy ra một viên hồng phiến và một ít Heroine sử dụng, số còn lại D cất trong người để sử dụng dần và bán kiếm lời. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, Bùi Thị C dùng số thuê bao 0348265146 gọi vào số thuê bao 0332046180 của D hỏi mua 3.000.000đ (*ba triệu đồng*) Heroine và Hồng phiến mục đích để C sử dụng cho bản thân, D đồng ý. D và C hẹn nhau sẽ giao nhận tiền và ma túy tại khu vực rừng già thuộc địa phận huyện V, tỉnh Sơn La vào lúc 19 giờ cùng ngày. Sau khi thỏa thuận xong, C thuê anh Bùi Văn G, sinh năm 1992, trú tại: Xóm H, xã Y, huyện L, tỉnh H là người hành nghề xe ôm chở C lên huyện V nói là đi thăm người thân. Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 30/9/2021 D một mình điều khiển xe máy BKS 26F7-7399 đến địa điểm đã hẹn và dùng số thuê bao 0352919767 liên lạc với C. D chưa kịp giao ma túy cho C thì bị tổ công tác Công an huyện V kiểm tra phát hiện bắt quả tang, thu giữ gói ma túy, 02 chiếc điện thoại di động kèm theo 02 sim số 0332046180 và 0352919767 cùng chiếc xe máy BKS 26F7-7399. Trên cơ sở lời khai của Sông A D, Cơ quan CSĐT Công an huyện V đã triệu tập Bùi Thị C đến làm việc. Bùi Thị C đã thừa nhận toàn bộ hành vi trao đổi, thống nhất việc mua ma túy với Sông A D. Cơ quan CSĐT Công an huyện V đã ra lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp, thu giữ của C 01 chiếc điện thoại di động kèm theo sim số 0348265146 cùng số tiền 6.710.000đ (*sáu triệu bảy trăm mười nghìn đồng*). Cùng ngày, Cơ quan CSĐT Công an huyện V tiến hành khám xét nơi ở của Sông A D và Bùi Thị C không phát hiện thu giữ gì.

Ngày 30/9/2021 Cơ quan CSĐT Công an huyện V, Viện kiểm sát nhân dân huyện V cùng Phòng kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Sơn La tiến hành cân tịnh xác định khối lượng vật chứng thu giữ của Sông A D. Kết quả 04 viên nén màu hồng

được 0,37 gam lấy toàn bộ làm mẫu giám định ký hiệu D; số chất bột màu trắng được 11,37 gam toàn bộ làm mẫu giám định ký hiệu D1 bàn giao cho Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La giám định chất ma túy, loại ma túy

Tại kết luận giám định số 1617 ngày 05/10/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La kết luận: *Mẫu giám định ký hiệu D là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng của mẫu gửi giám định là 0,37gam. Mẫu giám định ký hiệu D1 là ma túy, loại Heroine, khối lượng của mẫu gửi giám định là 11,37 gam. Tổng khối lượng ma túy thu giữ là 0,37 gam Methamphetamine và 11,37 gam Heroine. Hoàn lại mẫu đối tượng giám định D = 0,25 gam, D1 = 7,09 gam.*

Ngày 30/9/2021, Cơ quan CSĐT Công an huyện V đã trưng cầu giám định đối với toàn bộ số tiền 6.710.000 đồng tiền NHNNVN thu giữ của Bùi Thị C. Kết luận giám định số: 1609 ngày 05/10/2021 của Phòng kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Sơn La đã kết luận: *Số tiền VNĐ gửi giám định là tiền thật.*

Cáo trạng số: 35/CT-VKS ngày 23/5/2022 của Viện kiểm sát nhân huyện V, tỉnh Sơn La đã truy tố bị cáo Sòng A D về tội: Mua bán trái phép chất ma túy theo điểm p khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự. Truy tố bị cáo Bùi Thị C về tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy theo điểm n khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Sơn La giữ nguyên quyết định truy tố về tội danh và điều luật áp dụng như cáo trạng; qua phân tích đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và nhân thân các bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Sòng A D phạm tội: Mua bán trái phép chất ma túy.

Áp dụng điểm p khoản 2 Điều 251; điểm s, t khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 38 Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo Sòng A D mức án từ 08 (Tám) năm đến 08 năm (Tám) năm 06 (Sáu) tháng tù.

Áp dụng điểm n khoản 2, khoản 5 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 38; khoản 2, 3 Điều 35 Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo Bùi Thị C mức án từ 06 (Sáu) năm đến 06 (Sáu) năm 06 (Sáu) tháng tù.

Đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Bùi Thị C từ 2.000.000 đến 3.000.000 đồng.

- Về vật chứng vụ án đề nghị áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm a, c khoản 2, 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì niêm phong bên trong đựng vỏ gói phong bì niêm phong ban đầu + các

mảnh nilon ban đầu, 01 phong bì đã niêm phong bên trong đựng 01 phong bì niêm phong mẫu gửi giám định đã bóc mở + 02 túi nilon màu trắng + 0,25 gam Methamphetamine + 7,09 gam Heroine; 03 phong bì niêm phong bên trong 03 que thử ma túy đối với Sòng A D; Bùi Thị C; Bùi Văn G.

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA loại FUTURE màu xanh đỏ, BKS: 26F7 7399 số khung RLHJA02023Y525016, số máy JA02E-0624602; 01 chiếc điện thoại di động NOKIA 105 màu xanh bên trong có 01 sim thuê bao số 0348265146; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu GIONEE L800 màu đen bên trong có 01 sim thuê bao số 0332046180; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu MASSTEL màu đen bên trong có 01 sim thuê bao số 0352919767 Là tài sản bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội.

Tịch thu 3.000.000 đồng của bị cáo Bùi Thị C là số tiền dùng để mua ma túy.

Trả lại bị cáo C 3.710.000 đồng.

Ý kiến của các bị cáo: Nhất trí với quan điểm truy tố và luận tội của Kiểm sát viên không có tranh luận gì.

Bị cáo nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử, xem xét giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện V, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố Sòng A D về tội Mua bán trái phép chất ma túy, Bùi Thị C về tội tàng trữ trái phép chất ma túy đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến và khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã được thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2]. Về chứng cứ xác định có tội: Tại phiên tòa bị cáo Sòng A D; Bùi Thị C khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra và được chứng minh bằng các tài liệu chứng cứ sau: Biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản niêm phong đồ vật tài liệu bị tạm giữ, Kết luận giám định của Phòng kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Sơn La, lời khai của người chứng kiến, Biên bản ghi lời khai, Biên bản hỏi cung bị can cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ; thể hiện: Ngày

30/9/2021, bị cáo Sòng A D và Bùi Thị C đã trao đổi, thống nhất về việc Sòng A D bán cho Bùi Thị C 0,37 gam Methamphetamine và 11,37 gam Heroine với giá 3.000.000 đồng mục đích là để C sử dụng cho bản thân. Trên đường D đến địa điểm giao ma túy cho C thì bị phát hiện bắt quả tang. Trên cơ sở đó, có đủ căn cứ kết luận bị cáo Sòng A D phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy theo điểm p khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự, Bùi Thị C phạm tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy theo điểm n khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự.

[3]. Các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo D đã tích cực khai báo để phát hiện ra hành vi phạm tội của bị cáo C nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

- Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nghiêm trọng, hành vi đó là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, làm lây lan phát sinh các tệ nạn xã hội, gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân, gây mất trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết việc mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn cố ý phạm tội.

- Các bị cáo đang bị tạm giam, Hội đồng xét xử tiếp tục tạm giam bị cáo trong hạn 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

- Ngoài hình phạt chính là phạt tù các bị cáo có thể bị chịu hình phạt bổ sung là phạt tiền. Hội đồng xét xử xét thấy khi bị bắt bị cáo C bị thu giữ tài sản là 6.710.000 đồng trong đó 3.000.000 dùng để mua ma túy, 3.710.000 đồng là tài sản của bị cáo nên phạt bổ sung đối với bị cáo C. Đối với bị cáo D là người nghiện ma túy không có tài sản có giá trị nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo D.

Về nguồn gốc số ma túy theo lời khai của D mua của một người đàn ông dân tộc Mông khoảng 50 tuổi không quen biết nên Cơ quan CSĐT công an huyện V không có căn cứ để điều tra làm rõ.

Đối với Bùi Văn G là người hành nghề xe ôm, khi chở C, không biết việc C đi mua ma túy nên không đề cập xử lý là có căn cứ.

[5]. Về vật chứng của vụ án: Đối với 01 phong bì niêm phong bên trong đựng vỏ gói phong bì niêm phong ban đầu + các mảnh nilon ban đầu; 01 phong bì đã niêm phong bên trong đựng 01 phong bì niêm phong mẫu gửi giám định đã bóc mở + 02 túi nilon màu trắng + 0,25 gam Methamphetamine + 7,09 gam Heroine; 03 phong bì niêm phong bên trong 03 que thử ma túy đối với Sông A D; Bùi Thị C; Bùi Văn G là vật cấm lưu hành hoặc không còn giá trị sử dụng tuyên tịch thu tiêu hủy.

Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA loại FUTURE màu xanh đỏ, BKS: 26F7 7399 số khung RLHJA02023Y525016, số máy JA02E-0624602 là tài sản bị cáo dùng làm phương tiện vận chuyển ma túy bị cáo khai là tài sản của bố bị cáo ông Sông A H, sinh năm 1957, tuy nhiên không có căn cứ để chứng minh chiếc xe đó là của ông Sông A H nên tịch thu nộp ngân sách Nhà nước; 01 chiếc điện thoại di động NOKIA 105 màu xanh bên trong có 01 sim thuê bao số 0348265146; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu GIONEE L800 màu đen bên trong có 01 sim thuê bao số 0332046180; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu MASSTEL màu đen bên trong có 01 sim thuê bao số 0352919767 là tài sản bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội tuyên tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

Đối với số tiền 6.710.000 đồng thu giữ của bị cáo C xác định rõ 3.000.000 đồng bị cáo sử dụng đi mua ma túy cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước, 3.710.000 đồng là tài sản của bị cáo nên trả lại cho bị cáo.

[6]. Về án phí: Bị cáo D là người dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo. Bị cáo C phải chịu án phí HSST là 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ vào điểm p khoản 2 Điều 251 điểm s, t khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 38 Bộ luật hình sự.

- Tuyên bố bị cáo Sông A D phạm tội: Mua bán trái phép chất ma túy.

Xử phạt bị cáo Sông A D 08 (Tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 30/9/2021.

Không phạt bổ sung đối với Sông A D.

2. Căn cứ vào điểm n khoản 2, 5 Điều 249 ; khoản 1 Điều 38, khoản 2, 3 Điều 35 điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

- Tuyên bố bị cáo Bùi Thị C phạm tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Xử phạt bị cáo Bùi Thị C 06 (Sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 30/9/2021.

Phạt bổ sung đối với bị cáo Bùi Thị C 2.000.000 đồng.

3. Về vật chứng vụ án: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự. Điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì niêm phong bên trong đựng vỏ gói phong bì niêm phong ban đầu + các mảnh nilon ban đầu, 01 phong bì đã niêm phong bên trong đựng 01 phong bì niêm phong mẫu gửi giám định đã bóc mở + 02 túi nilon màu trắng + 0,25 gam Methamphetamine + 7,09 gam Heroine; 03 phong bì niêm phong bên trong 03 que thử ma túy đối với Sòng A D; Bùi Thị C; Bùi Văn Giang.

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA loại FUTURE màu xanh đỏ, BKS: 26F7 7399 số khung RLHJA02023Y525016, số máy JA02E-0624602; 01 chiếc điện thoại di động NOKIA 105 màu xanh bên trong có 01 sim thuê bao số 0348265146; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu GIONEE L800 màu đen bên trong có 01 sim thuê bao số 0332046180; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu MASSTEL màu đen bên trong có 01 sim thuê bao số 0352919767.

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 3.000.000 đồng của bị cáo Bùi Thị C.

Trả lại bị cáo Bùi Thị C 3.710.000 đồng.

- Theo biên bản giao nhận vật chứng số: 59/BBVC-CCTHA ngày 25/05/2022.

4. Về án phí: Khoản 2 điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a, khoản 1 Điều 23; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Sòng A D.

- Bị cáo Bùi Thị C phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Công an;
- Trại giam;
- THA hình sự;
- THA dân sự;
- Bị cáo;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Người có QLNVLQ
- Sở Tư pháp;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

Lê Xuân Hiếu